TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Hai C, sinh năm 1990. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Con ông Phạm Văn T (còn sống). Con bà Ca Mỹ L (còn sống). Vợ: Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1979. Con: Phạm Minh K, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 173 theo Bản án số 31/HS-ST ngày 02/4/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến nay. Có mặt.

2/ Trần Công S, sinh năm 1998. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Trần Công T1 (còn sống). Con bà Lê Thị Á (còn sống). Vợ: Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 2004. Con: Trần Ngọc T2, sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2024 cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

1/ Ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Số G, Ô, khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Bà Trần Thị Hồng T3, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

3/ Bà Trần Thị Nguyệt M, sinh năm 1955. Có mặt

Địa chỉ thường trú: 5/94 Nguyễn Văn T4, Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện tại: số C ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn L2, sinh năm 1998. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Bà Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: 1 Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

3/ Bà Trịnh Thị Kim N1, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: số G Ô Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

4/ Ông Nguyễn Huy T5, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

5/ Ông Bùi Thanh N2, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

6/ Ông Lê Trọng N3, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

7/ Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1970. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Phạm Hai C chuẩn bị đoản; dụng cụ tự chế có hình chữ T, dẹp 01 đầu để phá khóa xe mô tô rồi rủ Trần Công S cùng đi trộm xe mô tô, S đồng ý. Chỉ và S đã thực hiện ba lần lấy trộm xe mô tô trên địa bàn huyện T và thành phố T, tỉnh Long An. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 05/5/2024, Phạm Hai C điều khiển xe mô tô biển số 62P1-076.39 chở Trần Công S đi từ xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đến huyện T tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C và S phát hiện ông Nguyễn Hữu C1 điều khiển xe mô tô biển số 62P1-0455 chạy từ hướng UBND thị trấn T về nhà của ông C1 ở khu phố T T, thị trấn T, huyện T nên C và S điều khiển xe đi theo sau ông C1 tìm sơ hở lấy trộm xe mô tô. Khi đến nhà, ông C1 đậu xe mô tô trên trước cổng và đi vào bên trong nhà, chìa khóa còn gắn trên xe. Khi thấy không có ai trông coi, Chỉ xuống xe đi lại lén lút lấy xe mô tô biển số 62P1-0455 của ông C1. Chỉ điều khiển xe mô tô biển số 62P1-0455, S điều khiển xe mô tô 62P1-076.39 chạy theo sau về nhà chị Bùi Thị Hồng N ở ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Long An là vợ của Chỉ để cất giấu xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 596/KL-HĐĐG ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: tài sản bị mất trộm là xe mô tô biển số 62P1-0455 tại thời điểm ngày 05/5/2024 có giá trị là 19.766.000đ (bút lục 36 - 44).

Lần thứ hai: Khoảng 05 giờ ngày 06/5/2024, Phạm Hai C tháo biển số 62P1-0455 và gắn biển số giả là 53Y5-1905 vào xe mô tô của ông Nguyễn Hữu C1 rồi chở Trần Công S đến thành phố T, tỉnh Long An để tìm xe mô tô lấy trộm. Khi đến gần chợ P, thành phố T, tỉnh Long An thì phát hiện chị Trần Thị Hồng T3 điều khiển xe mô tô biển số 62B1-299.38 nên C và S đi theo sau chị T3 tìm sơ hở để lấy trộm. Khi đến chợ Phường C, TP ., chị T3 đậu xe trên vỉa hè đường số C và đi vào trong chợ. Chỉ chở S lại gần chiếc xe mô tô của chị T3, C dùng cây đoản để phá khóa và nổ máy xe. Chỉ điều khiển xe mô tô 62B1-299.38 đi về xã M, huyện Đ. S điều khiển xe mô tô 62P1-0455 gắn biển số 53Y5-1905 chạy theo sau. Khi đến gần biên giới Campuchia, Chỉ đem xe mô tô 62P1-0455 gắn biển số 53Y5-1905 bán cho người thanh niên tên N4, người Campuchia không rõ nhân thân được số tiền 8.000.000đ. Chỉ chia cho S 4.000.000đ, Chỉ được 4.000.000đ. Sau đó, S điều khiển xe mô tô 62B1-299.38 đến nhà bạn là Huỳnh Văn L2 ở Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nói là xe của S mới mua và gửi xe mô tô tại nhà L2.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 104/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: tài sản bị mất trộm là xe mô tô HONDA FUTURE, màu đỏ-bạc-đen, biển số 62B1-299.38 có giá trị tại thời điểm ngày 06/5/2024 là 20.000.000đ (bút lục 54 - 58).

Lần thứ ba: Ngày 20/5/2024, C điều khiển xe mô tô 62P1-076.39 chở S từ Đ đến huyện T để tìm xe mô tô lấy trộm. Khoảng 16 giờ 30 phút S và Chỉ phát hiện xe mô tô 62G1-415.85 của bà Trần Thị Nguyệt M đậu cặp hàng rào bên hông nhà bà Triệu Kim Y thuộc khu phố T, thị trấn T, huyện T. Khi thấy không có người xung quanh, S dùng đoản phá khóa và nổ máy xe 62G1-415.85 rồi cùng Chỉ chạy về nhà vợ của Chỉ tại Ấp C, xã H, huyện C. Khi đến nơi, C và S tháo biển số xe 62G1-415.85 vừa trộm được ra và gắn biển số xe 62K1-356.55 vào xe vừa trộm được thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ S. Riêng Chỉ bỏ trốn, đến ngày 01/7/2024 Chỉ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 593/KL-HĐĐG ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: tài sản bị mất trộm là xe mô tô biển số 62G1-415.85 tại thời điểm ngày 20/5/2024 có giá trị là 18.200.000đ (bút lục 45 - 53).

Quá trình làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Phạm Hai C và Trần Hồng S1 đã khai nhận toàn bộ những lần thực hiện hành vi phạm tội của mình

Cơ quan điều tra có tạm giữ:

01 áo thun màu trắng, đặc điểm: Trên cổ áo có chữ H P T, trên ngực áo có hoa văn; 01 quần tây, đặc điểm: Màu đen, không nhãn hiệu; 01 điện thoại di động Vivo 2025, đặc điểm: Màu đen, số IMEI: 866243057040791, gắn sim số 0359532536 của Trần Công S, tất cả đã qua sử dụng

01 mũ lưỡi trai, màu kem, có in chữ "Blooming Their hopes with you"; 01 mũ lưỡi trai, màu đen, có thêu chữ "N" màu trắng; 01 mũ bảo hiểm, màu đỏ-đen; 01 mũ bảo hiểm, màu đen; 01 khẩu trang màu xám, sọc trắng đen; 01 áo sơ mi, dài tay, sọc trắng đen của Phạm Hai C, tất cả đã qua sử dụng

01 biển số 62P1-076.39, qua tra cứu xác định chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn Q, địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Qua điều tra, xác minh thì trên địa bàn xã H không có người tên là Nguyễn Tấn Q.

Hiện, các đồ vật nói trên hiện Chi cục Thi hành án hình sự huyện T đang quản lý.

Xe mô tô FUTURE màu xám - đen số khung: RLHJC35087Y826791, số máy: JC35E-2043384 (được gắn biển số 62P1-076.39, biển số giả); mặt nạ xe mô tô; kính chiếu hậu màu bạc là tang vật trong vụ Trộm cắp tài sản xảy tại khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an Thị xã T, tỉnh Tây Ninh để giải quyết theo quy định.

Biển số xe mô tô 62F2-5176 và 62K1-356.55 là biển số xe mô tô tang vật liên quan đến 02 vụ Trộm cắp tài sản xảy ra tại thành phố T, tỉnh Long An. Cơ quan điều tra đã có văn bản thông tin, phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Long An để xử lý. Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng, tiếp tục xác minh xử lý.

Xe mô tô biển số 62G1-415.85; Thẻ ngân hàng tên Trần Thị Nguyệt M; Giấy phép lái xe tên Trần Thị Nguyệt M; Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Thị Nguyệt M; Bảo hiểm xe tên Trần Thị Nguyệt M; Mắt kính, gọng kính màu đen; Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Nguyệt M; Biển số xe 62G1-415.85. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho bà Trần Thị Nguyệt M.

Xe mô tô Future, màu đỏ đen bạc, số khung: RLHJC3500AY005658, số máy: JC45E0031113, biển số 62B1-299.38. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chị Trần Thị Hồng T3.

Điện thoại di động, Iphone, màu hồng là tài sản của bị cáo Phạm Hai C không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho bị cáo C.

Giấy chứng nhận đăng ký xe số 026898, mang tên Nguyễn Hoàng V, biển số 62G1 - 360.19 là của ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1977, nơi thường trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Ông V làm rớt mất và đã làm lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Cơ quan điều tra bàn giao cho Đ - Trật tự Công an huyện T để xử lý theo quy định.

Về bồi thường thiệt hại: xe mô tô biển số 62P1-0455 do bà Trịnh Thị Kim N1 đứng tên giấy đăng ký xe, ông Nguyễn Hữu C1 là người trực tiếp quản lý sử dụng và toàn quyền quyết định. Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Hữu C1 yêu cầu bồi thường cho ông một xe mô tô đúng nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE nữ như xe mô tô mà ông đã bị mất trộm. Tại phiên toà, ông thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự giá trị xe của ông vào thời điểm mất trộm là 19.766.000 đồng và yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị theo kết quả định giá.

Bà Trần Thị Hồng T3 và bà Trần Thị Nguyệt M đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 07/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Phạm Hai Chỉ và Trần Công

Sơn về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An truy tố tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 07/11/2024 Cụ thể: Truy tố: Về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 173; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hai C từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Căn cứ vào điểm c, khoản 2 Điều 173; Các điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Công S từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Các bị cáo phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi các bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật, cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là đúng, không oan, các bị cáo biết lỗi, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh kiểm tra hiện trường, kết luận về việc định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, không có mâu thuẫn.

Qua lời khai nhận hành vi của các bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu,

chứng cứ và lời khai của các bị cáo được xét hỏi tại phiên toà đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo như sau:

Các bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S vì muốn có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 05/5/2024 đến ngày 20/5/2024 bị cáo C và bị cáo S đã liên tiếp thực hiện 03 lần lấy trộm tài sản trên địa bàn huyện T và thành phố T, tỉnh Long An, cụ thể ngày 05/5/2024 lấy trộm xe mô tô biển số 62P1-0455 của ông Nguyễn Hữu C1 trị giá 19.766.000 đồng. Ngày 06/5/2024, lấy trộm xe mô tô biển số 62B1-299.38 của chị Trần Thị Hồng T3 trị giá 20.000.000 đồng. Ngày 20/5/2024, C và S tiếp tục lấy trộm xe mô tô 62G1-415.85 của bà Trần Thị Nguyệt M trị giá 18.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 57.966.000 đồng. Với hành vi lén lút của các bị cáo và giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi vi phạm của các bị cáo đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 57.966.000 đồng là thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng là tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời qua phân tích, đánh giá nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo C và bị cáo S theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và hoàn toàn chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[3.1] Xét tính chất của hành vi: Trong vụ án này, mặc dù các bị cáo liên tiếp thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản nhưng các bị cáo không lấy số tiền trộm cắp tài sản trong các lần trên làm nguồn sống chính, mà các bị cáo có nghề nghiệp có phụ giúp gia đình, vì vậy các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S có tính chất đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công cấu kết chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hành vi trái pháp luật do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, các bị cáo có đủ sức khoẻ lao động phục vụ bản thân, lo cho gia đình và đóng góp cho xã hội nhưng lại không chịu lao động mà muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên thúc đẩy và đưa các bị cáo vào đường phạm tội. Trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần phải xác định đến tính chất, mức độ tham gia phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra theo quy định của pháp luật thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3.2] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Hai C là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không sửa chữa mà còn tiếp tục phạm tội, có vai trò là người

rủ rê đề xướng bị cáo Trần Công S thực hiện tội phạm, là người thực hành trực tiếp lấy cắp tài sản đồng thời là người giữ tiền đã chiếm đoạt để sử dụng chung cho các bị cáo, nên bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc và cao hơn bị cáo khác mới tương xứng với tính chất và hậu quả mà bị cáo thực hiện, còn bị cáo Trần Công S giữ vai trò là người giúp sức cho bị cáo C, cùng hưởng giá trị vật chất tài sản do phạm tội mà có nên cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo có hành vi tích cực trong việc thực hiện tội phạm trực tiếp tìm kiếm và lấy cắp tài sản với ý chí quyết tâm cao, cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét các bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Chỉ đầu thú là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cho nên đối với các bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Các tình tiết khác:

Xe mô tô FUTURE màu xám-đen số khung: RLHJC35087Y826791, số máy: JC35E-2043384 được gắn biển số 62P1-076.39; mặt nạ xe mô tô; kính chiếu hậu màu bạc là tang vật trong vụ Trộm cắp tài sản xảy tại khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thị xã T, tỉnh Tây Ninh để giải quyết theo quy định nên không đề cập.

Biển số xe mô tô 62F2-5176 và 62K1-356.55 là biển số xe mô tô tang vật liên quan đến 02 vụ Trộm cắp tài sản xảy ra tại thành phố T, tỉnh Long An. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để giải quyết theo quy định nên không đề cập.

Xe mô tô biển số 62G1-415.85; Thẻ ngân hàng tên Trần Thị Nguyệt M; Giấy phép lái xe tên Trần Thị Nguyệt M; Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Thị Nguyệt M; Bảo hiểm xe tên Trần Thị Nguyệt M; Mắt kính, gọng kính màu đen; Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Nguyệt M; Biển số xe 62G1-415.85. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bà Trần Thị Nguyệt M là phù hợp.

Xe mô tô biển số 62B1-299.38, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chị Trần Thị Hồng T3 là phù hợp.

Điện thoại di động Iphone, màu hồng là tài sản của bị cáo Phạm Hai C Qua điều tra xác định không liên quan vào việc phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Giấy chứng nhận đăng ký xe số 026898, mang tên Nguyễn Hoàng V, biển số 62G1 - 360.19 là của ông Nguyễn Hoàng V. Ông V làm rớt mất và đã làm lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Đội Cảnh sát Giao thông - Trật tự Công an huyện T để xử lý theo quy định nên không đề cập.

[6] Đối với Huỳnh Văn L2 và Bùi Thanh N2, Bùi Thị Hồng N không biết xe mô tô và các đồ vật mà bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S gửi giữ tại nhà là do phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý trách nhiện hình sự đối với những người này là có căn cứ.

[7] Đối với người nam tên N5 người campuchia đã mua xe do Phạm Hai C và Trần Công S trộm cắp, do không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều Tra kết luận không đủ cơ sở xử lý nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng bao gồm:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Vivo 2025, đặc điểm: Màu đen, số IMEI: 866243057040791 của Trần Công S dùng để liên lạc với nhau để thực hiện tội phạm.

Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ các vật chứng còn lại đã sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị hoặc giá trị không đáng kể gồm; xác sim số 0359532536; 01 áo thun màu trắng, đặc điểm: Trên cổ áo có chữ H P T, trên ngực áo có hoa văn; 01 quần tây, đặc điểm: Màu đen, không nhãn hiệu của Trần Công S; 01 mũ lưỡi trai, màu kem, có in chữ "Blooming Their hopes with you"; 01 mũ lưỡi trai, màu đen, có thêu chữ "N" màu trắng; 01 mũ bảo hiểm, màu đỏ-đen; 01 mũ bảo hiểm, màu đen; 01 khẩu trang màu xám, sọc trắng đen; 01 áo sơ mi, dài tay, sọc trắng đen của Phạm Hai C; 01 biển số 62P1-076.39, qua tra cứu xác định chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn Q, địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Qua điều tra, xác minh thì trên địa bàn xã H không có người tên là Nguyễn Tấn Q.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa tỉnh Long An quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 45/QĐ-VKS ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các người bị hại Trần Thị Hồng T3 và Nguyễn Thị Nguyệt M1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và không yêu cầu gì khác, đồng thời các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người bị hại Nguyễn Hữu C1: tại phiên toà, ông C1 đồng ý và yêu cầu các bị cáo bồi thường xe mô tô biển số 62P1-0455 theo giá trị định giá của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 19.766.000 đồng nên buộc bị cáo Phạm Hai C và bị cáo Trần Công S liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hữu C1 số tiền 19.766.000 đồng.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bồi thường theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Các điểm g khoản 1 Điều 52; Các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hai C **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2024

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điểm g khoản 1 Điều 52; Các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Công S **03** (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2024

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Hai C và bị cáo Trần Công S, thời gian tạm giam 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Vivo 2025, đặc điểm: Màu đen, số IMEI: 866243057040791.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: xác sim số 0359532536; 01 áo thun màu trắng, đặc điểm: Trên cổ áo có chữ H P T, trên ngực áo có hoa văn; 01 quần tây, đặc điểm: Màu đen, không nhãn hiệu; 01 mũ lưỡi trai, màu kem, có in chữ "Blooming Their hopes with you"; 01 mũ lưỡi trai, màu đen, có thêu chữ "N" màu trắng; 01 mũ bảo hiểm, màu đỏ-đen; 01 mũ bảo hiểm, màu đen; 01 khẩu trang màu xám, sọc trắng đen; 01 áo sơ mi, dài tay, sọc trắng đen; 01 biển số 62P1-076.39,

Tất cả vật chứng trên đã qua sử dụng và hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa tỉnh Long An quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 45/QĐ-VKS ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Phạm Hai C và bị cáo Trần Công S phải liên đới trả cho bị hại ông Nguyễn Hữu C1 số tiền 19.766.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu C1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Phạm Hai C và Trần Công S phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phạm Hai C và bị cáo Trần Công S có nghĩa vụ liên đới chịu 988.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xét xử công khai sơ thẩm. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỒ BẢO TRÂM